

Bản án số: **309** /2020/KDTM-PT

Ngày: 14/5/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng sản xuất
cung ứng vật tư công trình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán:

1. Bà **Nguyễn Thị Trinh.**

2. Bà **Hoàng Thị Bích Thảo.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Hồng Long**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 3 năm 2020, ngày 17 tháng 4 năm 2020 và ngày 14 tháng 5 năm 2020 , tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 121/2019/KDTM-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng sản xuất cung ứng vật tư công trình”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 37/2019/KDTM-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2020/QĐPT-KDTM ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1192/2020/QĐ-HPT ngày 28 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà thép TV**; địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 14, khu phố O, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn H; địa chỉ: Số 932 đường T, Phường B, Quận N. Giấy ủy quyền lập ngày 28/02/2019.

2. *Bị đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại cơ khí TN**; địa chỉ trụ sở chính: Số 47/51 đường N, Phường M, quận G.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Bà Vi Thị Phương H (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 21/12/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Huỳnh Phi L.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 02/10/2018 và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/9/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà thép TV (Sau đây gọi tắt là Công ty TV) và Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại cơ khí TN (Sau đây gọi tắt là Công ty TN) ký kết hợp đồng số 54.TV/HĐKT - 2017 về việc sản xuất kết cấu thép thuộc công trình nhà xưởng nhà máy KOLON KTV - 1. Theo đó, Công ty TV sẽ sản xuất kết cấu thép và cung ứng vật tư cho công trình KOLON là công trình được Công ty TN nhận thầu thi công. Địa điểm giao hàng là lô C5-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương. Giá trị của hợp đồng là 5.861.790.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng là 01 tháng, tính từ ngày bên nguyên đơn nhận được tạm ứng tiền đợt 1 và bản vẽ thiết kế phê duyệt từ bị đơn.

Ngày 04/10/2017, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01 về các hạng mục phát sinh của công trình KOLON, giá trị phụ lục là 967.268.500 đồng. Ngày 25/10/2017, Công ty TV điều chỉnh lại khối lượng công việc nhà 1.8 – xử lý nhiệt, giá trị phụ lục chỉ còn 231.000.000 đồng.

Theo Điều 6 của hợp đồng, quá trình thi công và tiến độ thanh toán được chia làm 03 đợt, cụ thể:

- Đợt 1: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng sau khi Công ty TV tập kết 50% khối lượng cấu kiện đến công trình;
- Đợt 2: Thanh toán 30% giá trị hợp đồng sau khi Công ty TV tập kết 100% khối lượng cấu kiện đến công trình;
- Đợt 3: Thanh toán 20% còn lại sau khi Công ty TN xuất chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TN không thanh toán tiền đúng theo từng đợt như thỏa thuận. Tuy nhiên Công ty TV vẫn tiến hành thực hiện giao hàng và đợt giao cuối cùng vào ngày 01/02/2018. Công ty TV giao hồ sơ quyết toán cho Công ty TN và nhiều lần yêu cầu Công ty TN ký hồ sơ quyết toán nhưng Công ty TN không ký. Ngày 26/4/2018, hai bên đã ký biên bản làm việc xác nhận tổng khối lượng công việc. Ngày 12/5/2018, hai bên ký thỏa thuận về việc: Công ty TN sẽ ký quyết toán vào ngày 16/5/2018 và sẽ thanh toán trước ngày 15/6/2018. Nếu chậm Công ty TN chịu phạt 50.000.000 đồng/ngày.

Ngày 17/8/2018, Công ty TN đã thanh toán cho Công ty TV số tiền 500.000.000 đồng. Trước đó, vào ngày 02/3/2018, hai bên giải quyết công nợ hợp đồng số 52.TV/HĐKT-2017 có thỏa thuận cầm giữ số tiền 319.120.000 đồng vào số công nợ của hợp đồng số 54.TV/HĐKT - 2017. Ngày 29/8/2018, hai bên tiếp tục lập bản cam kết thanh toán nhưng Công ty TN cũng không thực hiện.

Công ty TV thừa nhận khối lượng thi công ít hơn so với ban đầu và được đại diện Công ty TN là ông Bùi Viết H xác nhận tại biên bản làm việc ngày 29/5/2018. Sau khi nhận với đơn giá của hợp đồng thì Công ty TV đã thực hiện tổng chi phí thực

tế số tiền 5.485.040.000 đồng. Trừ số tiền đã ứng, Công ty TN còn nợ lại Công ty TV số tiền 4.665.920.000 đồng.

Do Công ty TN không chuyển tiền đúng theo thoả thuận và phê duyệt bản thiết kế chi tiết chậm nên về thời hạn thực hiện hợp đồng chậm hơn so với thời gian thoả thuận trong hợp đồng. Công ty TV không đồng ý phạt hợp đồng vì chậm là do lỗi của Công ty TN.

Yêu cầu khởi kiện của Công ty TV: Công ty TN phải trả cho Công ty TV số tiền gia công 4.665.920.000 đồng theo hợp đồng số 54.TV/HĐKT-2017 và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 24/9/2018 (là ngày mà tại bản cam kết thanh toán ngày 29/8/2018, ông Ánh cam kết thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán) đến ngày 24/6/2019, tương ứng với thời gian 9 tháng với mức lãi suất 10%/năm là: $(4.665.920.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 9 \text{ tháng}/12 \text{ tháng} = 349.944.000 \text{ đồng}$.

Công ty TV không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết hợp đồng số 52.TV/HĐKT-2017, ngày 11/9/2017.

Phản trình bày của Bị đơn - Công ty TN:

Công ty TN chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TV. Cụ thể: Giá trị của hợp đồng khoảng 4.700.000.000 đồng. Sau khi trừ đi khối lượng hao hụt và khối lượng chênh lệch thì bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 3.703.040.000 đồng. Ngoài ra, theo hợp đồng thì thời gian thực hiện là 01 tháng nhưng Công ty TV thực hiện 05 tháng mới xong nên bị chủ đầu tư phạt chậm tiến độ với số tiền 1.054.600.000 đồng và lỗi thi công sai chủng loại vật tư trừ thêm 400.000.000 đồng. Số tiền mà Công ty TN bị phạt do chậm tiến độ và sai chủng loại vật tư là do lỗi của Công ty TV nên đề nghị căn trừ vào tiền nợ thì còn nợ khoảng 2,2 tỉ đồng. Công ty TN đồng ý trả số nợ này ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TN xác định công trình giao cho Công ty TV thi công đã đưa vào sử dụng.

Công ty TN thừa nhận đã ứng cho nguyên đơn số tiền 819.340.000 đồng theo lời nguyên đơn trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, Toà án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 37/2019/KDTM-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 2, 3, 4, 6, 292, 297, 317, 319 Luật Thương mại năm 2005 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà thép TV: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Cơ khí TN có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà thép TV số tiền nợ 4.665.920.000 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán là 349.944.000 đồng. Tổng cộng là 5.015.864.000 đồng, theo Hợp đồng kinh tế số 54.TV/HĐKT - 2017, ngày 11/9/2017.

Thời gian trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Cơ khí TN chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch là 113.015.864 đồng.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà thép TV toàn bộ số tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện là 56.494.182 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001597, ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 02/8/2019, Bị đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Cụ thể: Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không đồng ý giá trị khối lượng bản quyết toán của Công ty TV. Theo tính toán của Công ty TN thì sau khi trừ khối lượng hao hụt và chênh lệch giá vật tư thì bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn tiền thi công 3.703.040.000 đồng. Ngoài ra, Công ty TN bị chủ đầu tư phạt 1.054.600.000 đồng do thi công chậm tiến độ và 400.000.000 đồng thi công sai chủng loại vật tư. Số tiền mà Công ty TN bị phạt là do lỗi của Công ty TV nên đề nghị căn trừ vào tiền nợ. Công ty TN không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn.

Bị đơn không có trình bày bổ sung.

Nguyên đơn trình bày: Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn. Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng Tranh chấp hợp đồng sản xuất cung ứng vật tư công trình. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận G, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận G căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Xét hình thức và nội dung của hợp đồng số 54.TV/HĐKT - 2017 ngày 11/9/2017 về việc sản xuất kết cấu thép thuộc công trình nhà xưởng nhà máy KOLON KTV – 1 được xác lập giữa Công ty TV và Công ty TN, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận tham gia ký hợp đồng nêu trên để cung ứng thép xây dựng cho công trình nhà xưởng nhà máy KOLON KTV – 1. Hình thức của hợp đồng phù hợp Luật Thương mại năm 2005. Nội dung mà các bên giao kết trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật không trái đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng nêu trên phát sinh hiệu lực pháp luật và ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TN Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[3.1] Về kháng cáo của Công ty TN cho rằng hồ sơ quyết toán về giá trị khối lượng thi công không đúng. **Xét:** Theo nội dung Biên bản làm việc ngày 12/5/2018 và Bản cam kết thanh toán lập ngày 29/8/2018 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty TN là ông Lê Văn Ánh đã cam kết sẽ thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán vào ngày 24/9/2018 mà không có bất kỳ nội dung khiếu nại nào về khối lượng thi công và giá trị quyết toán theo hồ sơ quyết toán của Công ty TV. Bản án sơ thẩm căn cứ Hồ sơ quyết toán do Công ty TV lập ngày 20/8/2018 để xác định khối lượng và giá trị thi công mà Công ty TV đã thực hiện là có cơ sở. Trình bày kháng cáo của bị đơn không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về khoản tiền nợ thi công: Tại Tòa, các bên đương sự cùng xác nhận việc Công ty TN đã thanh toán cho Công ty TV tổng cộng 819.120.000 đồng gồm 2 đợt: Đợt 1 ngày 02/3/2018 với số tiền là 319.120.000 đồng (đây là số tiền hai bên đồng ý trừ từ một hợp đồng trước đây do Công ty TV còn nợ Công ty TN); Đợt 2 ngày 17/8/2018 với số tiền là 500.000.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ số tiền đã tạm ứng và khoản tiền đã thanh toán nêu trên thì Công ty TN còn nợ Công ty TV số tiền 4.665.920.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận khoản nợ trên là có cơ sở.

[3.3] Về trình bày kháng cáo của Công ty TN cho rằng chỉ chấp nhận giá trị quyết toán thi công 3.703.040.000 đồng và sau khi trừ khoản tiền đã thanh toán cho Công ty TV tổng cộng 819.120.000 đồng thì chỉ còn nợ khoảng 2,2 tỷ đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3.4] Về kháng cáo của Công ty TN đối với tiền lãi do chậm thanh toán. **Xét:** tại Bản cam kết thanh toán lập ngày 29/8/2018 thì Công ty TN cam kết đến ngày 24/9/2018 sẽ thanh toán nhưng không thực hiện nên việc Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 24/9/2018 đến ngày 24/6/2019 là phù hợp quy định tại Điều 7 của hợp đồng số 54.TV/HĐKT - 2017 ngày 11/9/2017 mà các bên đã ký kết và Điều 306 Luật thương mại năm 2005. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn yêu cầu không vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Hàng Hải mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng và Bản án sơ thẩm cũng chỉ chấp nhận mức lãi suất này để buộc Bị đơn trả cho Nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa. Kháng cáo nêu trên của Bị đơn không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận. Cụ thể: Số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 24/9/2018 đến ngày 24/6/2019, tương ứng với thời gian 9 tháng với mức lãi suất 10%/năm là: $(4.665.920.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}) \times 9 \text{ tháng}/12 \text{ tháng} = 349.944.000 \text{ đồng}$.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tổng số tiền nợ chưa thanh toán và lãi theo hợp đồng mà Công ty TN còn nợ Công ty TV là: 4.665.920.000 đồng + 349.944.000 đồng = 5.015.864.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TN đơn đòi Công ty TV phải trả số tiền thi công nêu trên là có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa. Kháng cáo của Bị đơn là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Về trình bày kháng cáo của nguyên đơn cho rằng việc chủ đầu tư phạt Công ty TN do thi công chậm tiến độ với số tiền 1.054.600.000 đồng và thi công sai chủng loại vật tư là 400.000.000 đồng là do lỗi của Công ty TV nên đề nghị trừ vào tiền nợ. Xét thấy trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì bị đơn chỉ nêu ra nhưng không có yêu cầu tranh chấp nên không được xem đây là yêu cầu phản tố của bị đơn. Bản án sơ thẩm căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về phạm vi xét xử để không giải quyết là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng xác

nhận chưa có yêu cầu phản tố để tranh chấp nội dung trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét trình bày kháng cáo nêu trên của bị đơn.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bản án sơ thẩm căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định về án phí của bản án sơ thẩm.

[6.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do tại hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng nhưng không xác định cụ thể mức lãi được coi là không thỏa thuận mức lãi. Tuy nhiên do tại Tòa án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi là 10%/năm và bị đơn cũng không phản đối mức lãi này nên căn cứ điểm a khoản 1,2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng thương mại cơ khí TN. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty TNHH nhà thép TV phải trả cho TNHH Xây dựng thương mại cơ khí TN số tiền nợ 4.665.920.000 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán là 349.944.000 đồng. Tổng cộng là 5.015.864.000 đồng phát sinh theo Hợp đồng kinh tế số 54.TV/HĐKT - 2017 ngày 11/9/2017.

2. Về án phí:

2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Cơ khí TN chịu án phí sơ thẩm là 113.015.864 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH nhà thép TV số tiền tạm ứng án phí là 56.494.182 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001597, ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Xây dựng

Thương mại Cơ khí TN phải chịu án phí là 2.000.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001261 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Cơ khí TN đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo với mức lãi suất là 10%/năm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy